

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Giao thông vận tải; Chuyên ngành: Máy Xây dựng – Xếp dỡ

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **BÙI THANH DANH**

2. Ngày tháng năm sinh: 15/11/1975; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Quang hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): nhà số 21 , tổ dân phố số 4 phường Trần Phú, Quận Hoàng mai, Hà nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng 0614 tòa nhà R3 khu Goldmark city, 136 Hồ Tùng Mậu, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà nội.

Điện thoại nhà riêng: .; Điện thoại di động: 0913060946;

E-mail: Danhdaiuong@utc.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 22/10/1999 đến 07/2001: Nhân viên phòng kỹ thuật- Nhà máy Cơ khí Hồng Nam

- Từ 01/07/2001 đến nay : Giảng viên công tác tại Bộ môn Máy Xây Dựng – Xếp dỡ;
Trường Đại học giao thông vận tải

- Từ tháng 30/11/2017 đến nay là giảng viên , kiêm nhiệm giám đốc Trung tâm đào tạo thực hành và chuyển giao công nghệ GTVT thuộc Trường Đại học Giao thông vận tải

Chức vụ: Giảng viên chính; Chức vụ cao nhất: Giám đốc Trung tâm đào tạo thực hành và chuyển giao công nghệ GTVT - Trường ĐHGTVT

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Máy Xây Dựng – Xếp dỡ, trường Đại học Giao thông Vận tải.

Địa chỉ cơ quan: Số 3 phố Cầu Giấy, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02437663311

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 12 tháng 07 năm 1999; số văn bằng: 110029; ngành: Cơ khí chuyên dùng, chuyên ngành: Máy Xây Dựng – Xếp dỡ; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học giao thông vận tải

- Được cấp bằng Thạc sỹ ngày 03 tháng 05 năm 2007; số văn bằng: 0029349; ngành: Kỹ thuật cơ khí giao thông; chuyên ngành: Máy Xây dựng- Xếp dỡ ; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Giao thông vận tải

- Được cấp bằng Tiến sỹ ngày 27 tháng 10 năm 2017; số văn bằng: 007236; ngành: Kỹ thuật cơ khí động lực; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Giao thông vận tải.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Giao thông Vận tải

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Ngành giao thông vận tải

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu xác định các thông số hợp lý trong quá trình thiết kế, khai thác, sử dụng Máy Xây Dựng.

- Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu các thông số tối ưu trong quá trình thiết kế và gia công cơ khí chuyên dùng.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) ... NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 02 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 04 đề tài cấp cơ sở:
 - + Tham gia 03 đề tài NCKH cấp Bộ
 - + Chủ nhiệm 03 đề tài NCKH cấp cơ sở
 - + Thư ký 01 đề tài cấp Bộ
 - + Chủ nhiệm 01 đề tài cấp NCKH Bộ
- + Đã công bố 41 bài báo, báo cáo khoa học được đăng trên các tạp chí, hội nghị hội thảo quốc tế có phản biện, trong đó có 27 bài báo, báo cáo đăng trên tạp chí, nhà xuất bản uy tín, tạp chí thuộc danh mục Scopus (có 01 bài báo Q1, 02 bài SCIE; 05 bài báo Q2, 02 bài ESCI; 02 bài báo Q3 và 14 bài báo Q4). Tác giả chính của 04 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín bài [29],[30],[31],[35].
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản **02** sách tham khảo
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2015-2016, 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2023-2024
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào Tạo năm 2021
- Đạt sáng kiến cấp Bộ Giáo dục và đào tạo năm 2021
- Bằng khen của Công đoàn giáo dục Việt nam năm 2012-2013, 2015-2016, 2019-2020
- Giấy khen của hiệu trưởng trường Đại học Giao thông vận tải năm học 2021-2022, 2022-2023

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Có chuyên môn tốt, đúng ngành nghề được đào tạo, phù hợp chuyên môn giảng dạy;
- Có lý lịch bản thân rõ ràng, có phẩm chất đạo đức tốt, luôn tuân thủ tốt các nguyên tắc nghề nghiệp và luật pháp;
- Luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao về đào tạo và nghiên cứu khoa học; có tinh thần trách nhiệm cao, ý thức sáng tạo và nhiệt tình trong công việc;
- Tích cực tham gia các hoạt động khoa học, công nghệ như tham gia đề tài các cấp, công bố các bài báo quốc tế uy tín; phản biện bài báo cho các tạp chí trong nước và quốc tế, trình bày Semina, hội thảo khoa học, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 22 năm 08 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020			01		105		105/141,28//67,5
2	2020-2021					105		105/109,42/67,5
3	2021-2022			02		135		135/195,6/67,5
03 năm học cuối								
4	2022-2023					120		120/190,8/62,5
5	2023-2024					190	60	190/239,75/62,5
6	2024-2025					288		288/301/62,5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS năm hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, ngành ngôn ngữ Anh. số bằng: QC175250; cấp ngày 12/04/2023

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Dẫn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng cử nhân Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ- Đại học Quốc gia Hà nội số bằng: QC175250; cấp ngày 12/04/2023

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSN T	Chính	Phụ			
1	Đặng Đình Việt		x		x	06/2019- 12/2019	Trường ĐH GTVT	29/05/2020 Số hiệu bằng: C001244
2	Trần Kha Minh		x	x		8/2021- 02/2022	Trường ĐH SPKT Vĩnh Long	31/10/2022 Số hiệu bằng: ME11178
3	Lê Quang Sinh		x	x		8/2021- 02/2022	Trường ĐH SPKT Vĩnh Long	31/10/2022 Số hiệu bằng: ME11181

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1							
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Giáo trình Thực hành Cơ khí đại cương	TK	NXB khoa học và kỹ thuật Năm 2021	02	TS. Bùi Thanh Danh	Trang 3 đến trang 176	Giấy xác nhận sử dụng sách phục vụ đào tạo của trường Đại học giao thông vận tải 16/05/2024
2	Sử dụng, bảo dưỡng và tháo lắp pa lăng cáp điện	TK	Nhà xuất bản Xây dựng Năm 2024	01	TS. Bùi Thanh Danh	Trang 1 đến trang 152	Giấy xác nhận sử dụng sách phục vụ đào tạo của trường Đại học công nghệ giao thông vận tải Ngày 17/05/2024

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu thiết kế để triển khai chế tạo hệ thống gia nhiệt cho vật liệu trong tang sấy ở các trạm sản xuất bê tông nhựa nóng 30÷40 (T/h) đạt chỉ tiêu kinh tế- kỹ thuật hợp lý và chống ô nhiễm môi trường. Ứng dụng cho công ty xây dựng công trình giao thông 873	TK	B2004-35-64	01/2004-12/2004	30/12/2005- Đạt
2	Lập chương trình tự động hóa thiết kế cầu trục.	CN	T2004-CK-27	01/2004-12/2004	23/03/2006- Tốt
3	Ứng dụng phương pháp mô hình hóa xây dựng một số mô hình máy phục vụ cho giảng dạy môn học máy sản xuất vật liệu xây dựng.	CN	T2009-CK-18	01/2009-12/2009	29/01/2011- Tốt
4	Nghiên cứu động lực học công trục chuyên dùng đặt trên xà mũ phục vụ lao lắp dầm cầu Super-T trong công nghệ xây dựng cầu	CN	T2015-CK-38	01/2015-12/2015	15/12/2015- Tốt

	ở Việt nam.				
II	Sau khi được công nhận TS				
6	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp công nghệ thi công cho các cầu dân sinh phục vụ giáo dục, phù hợp với điều kiện tại vùng sâu, vùng xa khu vực phía Bắc" thuộc chương trình KHCN cấp bộ Nghiên cứu xây dựng cầu dân sinh phục vụ giáo dục vùng sâu vùng xa khu vực phía Bắc.	CN	CTB2018-GHA-08NV	09/2018-12/2020	15/01/2021- Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Nghiên cứu sự ảnh hưởng do dòng khí của quạt gió cao áp đến quá trình đốt cháy dầu	02		Tạp chí khoa học GTVT ISBN : 1859-2724				11/2005

	FO trong lò đốt hở của tang sấy trạm trộn bê tông nhựa nóng 40T/h.							
2	Nghiên cứu lựa chọn các thông số đầm lèn hợp lý cho nền đường giao thông nông thôn vùng đồng bằng Bắc Bộ.	02		Tạp chí khoa học GTVT ISBN : 1859- 2724				11/2008
3	Nghiên cứu, tính toán thiết kế trục trộn trong buồng trộn của trạm sản xuất bê tông nhựa nóng và ứng dụng chương trình Mastercam lập quy trình gia công trên máy phay 5 trục.	02		Tạp chí khoa học GTVT ISBN : 1859- 2724				2/2010.
4	Nghiên cứu, xây dựng chương trình tính toán thiết kế cầu trục một dầm. Áp dụng chương trình trên cho các công ty chế tạo thiết bị nâng trong nước.	01	Tác giả chính	Tạp chí khoa học GTVT ISBN : 1859- 2724				2/2010
5	Ứng dụng phần mềm Sap 2000 trong tính toán thiết kế kết cấu thép công trục long môn đặt trên xà mũ phục vụ lao lắp dầm cầu Super- T.	02		Tạp chí GTVT ISBN : 2354- 0818				11/2012
6	Nghiên cứu thực nghiệm	03		Tạp chí cơ khí				3/2015

	xác định lực căng động trong cáp hàng của công trực phục vụ lao lắp dầm cầu Super-T.			Việt nam. ISBN: 2615-9910				
7	Nghiên cứu động lực học công trực phục vụ lao lắp dầm cầu Super-T lắp đặt trên xà mũ trụ cầu trong trường hợp mang nâng hàng không có độ chùng cáp	03		Tạp chí cơ khí Việt nam. ISBN: 2615-9910				4/2015
8	Nghiên cứu động lực học công trực phục vụ lao lắp dầm cầu Super-T lắp đặt trên xà mũ trụ cầu trong trường hợp mang hàng di chuyển.	03		Tạp chí Cơ khí ISBN: 2615-9910				5/2015
9	Nghiên cứu dao động và tải trọng động phát sinh trong công trực phục vụ lao lắp dầm cầu Super – T khi mang hàng di chuyển có kể đến độ cứng của cáp nâng hàng.	03	Tác giả chính	Tạp chí khoa học GTVT ISBN : 1859-2724				11/2015
10	Nghiên cứu ứng dụng hàm Solver giải bài toán tối ưu trọng lượng kết cấu thép dàn chính của công trực lắp đặt trên	03	Tác giả chính	Tạp chí Cơ khí ISBN: 2615-9910				5/2016

	xà mũ trụ cầu phục vụ lao lắp dầm cầu Super – T.							
II	Sau khi được công nhận TS							
11	Ứng dụng phần mềm Sap 2000 trong tính toán thiết kế kết cấu thép công trực dạng chữ C khẩu độ 9,7 mét, tải trọng 25 Tấn phục vụ thi công mô trụ cầu cạn.	01	Tác giả chính	Tạp chí GTVT ISBN : 2354-0818				5/2019
12	Ứng dụng phần mềm ANSYS APDL trong tính toán, thiết kế công trực long môn phục vụ lao lắp dầm bê tông khẩu độ nhịp nhỏ trong thi công cầu dân sinh	02	Tác giả chính	Tạp chí Cơ khí ISBN: 2615-9910				08/2020
13	Effect of Input Parameters on Electrode Wear in PMEDM Cylindrical Shaped Parts	08		Key Engineering Materials ISSN: 16629795	Scopus Q4 (IF: 0.487)		Volume 861, pp:136-142	09/2020
Doi: https://doi.org/10.4028/www.scientific.net/KEM.861.136								
14	Influence of Input Factors on Material Removal Rate in PMEDM Cylindrical Shaped Parts with	08		Key Engineering Materials ISSN: 16629795	Scopus Q4 (IF: 0.487)		Volume 861, pp:129-135	02/09/2020

	Silicon Carbide Powder Suspended Dielectric						
Doi: 10.4028/www.scientific.net/KEM.861.129							
15	The Influence of Main Design Parameters on the Overall Cost of a Gearbox	08		Applied Sciences An Open Access Journal from MDPI	SCI, Q1, IF (2020) = 2, 7		30/03/2020
Doi:10.3390/app10072365							
16	Enhancing Accuracy of Surface Roughness Model Using Box-Cox Transformation in Surface Grinding AISI 5120 Alloy Steels	08		Advances in Engineering Research and Application. ICERA 2020. Lecture Notes in Networks and Systems, vol 178. Springer	Scopus Q4 (IF: 0.595)	pp 379–390	2020
DOI: 10.1007/978-3-030-64719-3_43							
17	A Study on Prediction of Milling Forces	08		Advances in Engineering Research and Application. ICERA 2020. Lecture Notes in Networks and Systems	Scopus Q4 (IF: 0.595)	vol 178 pp 86–93	2020
https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-030-64719-3_11							
18	Influence of process parameters on	08		Materials Science Forum. ISSN: 16629752	Scopus Q4 (IF: 0.477)	Volume 1018, pp:91-95	2021

	material removal rate in electrical discharge machining cylindrical shaped parts							
DOI: 10.4028/www.scientific.net/MSF.1018.91								
19	Effects of input parameters on electrode wear rate when EDM cylindrical shaped parts	08		Materials Science Forum ISSN: 16629752	Scopus Q4 (IF: 0.477)		Volume 1018, pp:79-83	2021
DOI: 10.4028/www.scientific.net/MSF.1018.79								
20	Effect of dressing parameters on material removal rate when surface grinding skd11 tool steel	08		Materials Science Forum ISSN: 16629752	Scopus Q4 (IF: 0.477)		Volume 1020, pp:60-67	2021
DOI: 10.4028/www.scientific.net/MSF.1020.60								
21	Determination of Optimum Gear Ratios of Two-stage Bevel Helical Gearboxes for Getting Minimum Gearbox Volume	08	Tác giả chính	Advances in Engineering Research and Application. ICERA 2021. Lecture Notes in Networks and Systems,	Scopus Q4 (IF: 0.595)		vol 366 pp 302–311	2021

https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-030-92574-1_32							
22	Study on productivity improvement when turning AISI 1045 steel on basis of surface roughness assurance			Advances in Engineering Research and Application. ICERA 2021. Lecture Notes in Networks and Systems,	Scopus Q4 (IF: 0.595)	vol 366 pp 872–881	2021
https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-030-92574-1_89							
23	Study on Multi-criteria Decision Making in CBN Grinding SKD11 Tool Steel	07	Tác giả chính	Advances in Engineering Research and Application. ICERA 2022. Lecture Notes in Networks and Systems,	Scopus Q4 (IF: 0.595)	vol 602 pp 99–105	2022
Study on Multi-criteria Decision Making in CBN Grinding SKD11 Tool Steel SpringerLink							
24	A Study on Optimization of Helical Worm Gearboxes Based on Volume Function	07	Tác giả chính	Advances in Engineering Research and Application. ICERA 2022. Lecture Notes in Networks and Systems,	Scopus Q4 (IF: 0.595)	vol 602 pp 116–127	2022
https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-031-22200-9_13							
25	Effect of Process Parameters on Material Removal Speed in CBN Grinding Al6061 T6	07	Tác giả chính	Advances in Engineering Research and Application. ICERA 2022. Lecture Notes in Networks and Systems,	Scopus Q4 (IF: 0.595)	vol 602 pp 462–467	2022

	https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-031-22200-9_52						
26	Studying Optimal Set of Input Parameters for CBN Grinding Aluminum 6061T6 on CNC Milling Machine	07	Tác giả chính	Advances in Engineering Research and Application. ICERA 2022. Lecture Notes in Networks and Systems,	Scopus Q4 (IF: 0.595)	vol 602 pp 895–902	2022
	https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-031-22200-9_95						
27	A High-Reliability Piezoelectric Tile Transducer for Converting Bridge Vibration to Electrical Energy for Smart Transportation	03		Micromachines ISSN: 2072-666X	SCOPUS Q2 (IF: 3.3)		2023
	https://doi.org/10.3390/mi14051058						
28	A study on the influence of printing orientation in metal printing using material extrusion technology on the machanical properties of 14-4 stainless steel products	04		Journal of Machine Engineering. ISSN 1895-7595. Online: 2391-8071	Scopus Q2 IF: 1.288	Vol.23	2023
	https://doi.org/10.36897/jme/170509						
29	Surface Roughness Modeling of Hard Turning 080A67 Steel	02	Tác giả chính	Engineering, Technology & Applied Science Research ISSN 1792-8036	Scopus, Q2, ESCI, , If=1,5	Vol. 13, No. 3, 2023	2023
	https://doi.org/10.48084/etasr.5790						

30	Research of methods for determining dynamic stress of the bars in the main structure of gantry crane installed on the cap of bridge pier to serve installation of sSuper-T girder	02	Tác giả chính	ERUKA: Physics and Engineering ISSN <u>2461-4262</u>	SCOPUS , Q3, If (2023)=1,189	Number 2	2023
Doi: 10.21303/2461-4262-2023.0002673							
31	Optimization of Technological Parameters when Plasma Nitriding the Gear Working Surface	02	Tác giả chính	Engineering, Technology & Applied Science Research . ISSN 1792-8036	Scopus, Q2 ESCI, , If=1,5	Vol. 13, No. 3, 2023	2023
https://doi.org/10.48084/etasr.5946							
32	Multi-Criteria Decision Making in CBN Grinding SKD11 Tool Steel Using TOPSIS Method	06	Tác giả chính	Journal of Military science and technology ISSN: 1859-1043		Number 5	2023
https://doi.org/10.54939/1859-1043.j.mst.87.2023.94-99							
33	The study aimed to build an artificial neural network (ANN) model to predict surface roughness in the milling process of 3X13 steel	02		Science Journal of transportation ISSN: 2410-9088		№3 (15)	2023
34	Optimization of a two- stage	05		Wseas transactions on applied and	Scopus,	Volume 19	2024

	bevel helical Gearbox using multiple Objectives to increase efficiency and reduce gearbox bottom Area			theoretical machannics E-ISSN: 2224-3429	Q4 IF = 0,463			
Doi: 10.37394/232011.2024.19.1								
35	Research on the influence of dynamic parameters on the operation process of gantry cranes with assembled structures on the cap of bridge pier to serve installation of Super-T Beams	03	Tác giả chính	ERUKA: Physics and Engineering ISSN 2461-4262	SCOPUS , Q3, If (2023)=1,189		Number 3	2024
https://doi.org/10.21303/2461-4262.2024.003253								
36	Multi-Objective Optimization of a Two-Stage Helical Gearbox with Second Stage Double Gear-Sets Using TOPSIS Method	06		Processes 2024 ISSN: 2227-9717	SCIE , Q2, If (2024)=3,5		Processes 2024, 12, 1160.	2024
https://doi.org/10.3390/mi14051058								
37	Optimization of cutting regimes for milling AISI-1045 Steel	01	Tác giả chính	Journal of Multidisciplinary Engineering Science and Technology (JMEST), ISSN: 2458-9403			Vol 10 Issue 3 May 2025	2025
JMEST » Vol.12 – Issue 4 (April- 2025)								
38	Tính toán thiết kế cụm di chuyển cho công trục tải trọng nâng 25 Tấn lắp đặt tại các dự án thủy điện	01	Tác giả chính	Tạp chí Cơ khí Việt nam ISBN: 2615-9910			(Số tháng 04.2025)	2025

39	Multi objective optimization of SKD11 Steel Grinding process using entropy and Ram methods	01	Tác giả chính	European Journal of Engineering and Technology Research (EJ-ENG), ISSN 2736-576X			Vol 10 Issue 3 May 2025	2025
Multi-Objective Optimization of Skd11 Steel Grinding Process using Entropy and RAM Methods European Journal of Engineering and Technology Research								
40	Integration Of MCDM Methods For Cutting Tool Material Selection	01	Tác giả chính	Journal of Multidisciplinary Engineering Science and Technology (JMEST), ISSN: 2458-9403			Vol. 12 Issue 5, May - 2025	2025
JMEST » Vol.12 – Issue 5 (May- 2025)								
41	Tính toán thiết kế kết cấu thép công trục dạng dầm hộp khẩu độ 46 mét, tải trọng 80 Tấn phục vụ đúc dầm bê tông cho các dự án cầu cạn	01	Tác giả chính	Tạp chí Xây dựng (Tạp chí GTVT trước tháng 3 năm 2025) ISSN 2734-9888			(Số tháng 04.2025)	2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín thuộc danh mục Scopus được xếp hạng Q2, ESCI, Q3 mà ứng viên là tác giả chính sau Tiến sỹ : 04 bài số thứ tự [29], [30], [31],[35].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS						
1							
II	Sau khi được công nhận TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau TS: Không có

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: Không

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): Ứng viên không bị thiếu

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): Ứng viên không bị thiếu

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Ứng viên không bị thiếu

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Ứng viên không bị thiếu

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT

+ Đã hướng dẫn chính **02 HVCH/CK2/BSNT** đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: Ứng viên không bị thiếu

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì **04** nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:
Không bị thiếu

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 05 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không bị thiếu

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 20. tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Bùi Thanh Danh